

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Huyền T, sinh năm 1995; căn cước công dân số: 036195003744; nơi cư trú: Số nhà 110 T, phường B, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Đình K, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 036090009013; nơi cư trú: Số nhà 110 T, phường B, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23-01-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Vũ Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định vào ngày 07-5-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã

sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Bùi Đình K có 02 con chung là: Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016; Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021. Nếu ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trâm A1; anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Đình Trung A. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 23-01-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Bùi Đình K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định vào ngày 07-5-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, do đó vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 11 năm 2023 chị T đã đưa con nhỏ thuê chỗ khác để ở và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Anh đã nhiều lần nhắn tin nói chuyện với chị T để vợ chồng có thể hòa giải quay về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con.

- Về nuôi con chung: Anh và chị Vũ Huyền T có 02 con chung là: Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016; Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Đình Trung A, chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trâm A1. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 02, phường B, thành phố Nam Định nơi chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K đăng ký thường trú cung cấp:

Vợ chồng chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị T, anh K sinh sống tại địa phương và đăng ký thường trú tại: Số nhà 110 T, phường B, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Chị T và anh K có 02 con chung là Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016; Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021. Đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K. Đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại Đơn đề nghị đề ngày 22-02-2024, cháu Bùi Đình Trung A là con chung của chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố để tiện tiện cho việc sinh hoạt và học tập của cháu.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Huyền T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K. Về con chung: Giao cho chị Vũ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021; anh Bùi Đình K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Huyền T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Vũ Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Đình K, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Bùi Đình K không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Vũ Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định vào ngày 07-5-2016. Như vậy hôn nhân giữa chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh K đều trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh K trình bày do liên quan đến vấn đề kinh tế dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cả chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K đều trình bày vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Huyền T: Xử lý hôn giữa chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con chung:

Chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K có 02 con chung là Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016; Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho anh Bùi Đình K và chị Vũ Huyền T mỗi người nuôi 01 con. Xét hiện tại cháu Bùi Đình Trung A đang ở với anh Bùi Đình K và cháu có nguyện vọng được ở với bố; cháu Bùi Trâm A1 đang ở với chị Vũ Huyền T và cháu hiện dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Đình Trung A cho anh Bùi Đình K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Bùi Trâm A1 cho chị Vũ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vì Hội đồng xét xử giao cho chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K mỗi người nuôi 01 con; cả chị T và anh K đều có điều kiện nuôi con nên chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Chị Vũ Huyền T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Huyền T đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Vũ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trâm A1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-9-2021; anh Bùi Đình K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Đình Trung A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-8-2016 sau khi vợ chồng ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Huyền T và anh Bùi Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Huyền T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001923 ngày 17-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

6. Anh Bùi Đình K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Huyền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định;
- Chi cục Thi hành án thành phố Nam Định;
- UBND xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh